

THƠ NĂM CHỮ CỦA NGUYỄN DUY

Nguyễn Thị Hoàng Hương¹

TÓM TẮT

Là một nhà thơ có tài, Nguyễn Duy đã có những thử nghiệm trên rất nhiều thể thơ: năm chữ, bảy chữ, thơ tự do, thơ lục bát. Mỗi thể thơ đều được Nguyễn Duy vận dụng sáng tạo, tìm tòi để lại một dấu ấn, một bản sắc riêng, một sự cách tân mới mẻ. Thơ năm chữ của ông phản ánh cuộc sống một cách chân thực, cảm động. Việc sử dụng các hình thức nghệ thuật một cách tự nhiên, độc đáo tạo cho các bài thơ năm chữ một vẻ đẹp hiện đại, tự do, ẩn chứa nhiều nội dung, cảm xúc phong phú. Mặc dù không chiếm ưu thế như thể thơ lục bát và tự do nhưng thơ năm chữ cũng góp phần làm nên thành công của Nguyễn Duy.

Từ khóa: *Thơ năm chữ, Nguyễn Duy.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thơ năm chữ hay thơ ngũ ngôn, là một trong những thể thơ được sử dụng phổ biến và rất quen thuộc đối với người Việt Nam. Đây còn là một thể thơ truyền thống có từ xa xưa, được dùng phổ biến trong một số thể loại của thơ ca dân gian như vè, hát dặm, đồng dao hay thơ cổ phong (ngũ ngôn cổ phong) và thơ Đường (ngũ ngôn Đường luật). Số tiếng trong câu thơ gồm có năm tiếng phối hợp với vần nhịp mang đến sự gần gũi và dễ đọc với người tiếp nhận. Thơ năm chữ có phần đi vào chiều sâu suy tư bởi những đặc trưng riêng của nó. Do đặc trưng của thơ năm chữ tương đối ngắn, thể thơ này phù hợp để truyền đạt những nội dung mang chất suy tư của tác giả vào tác phẩm đến người đọc. Về nhịp thơ, thơ năm chữ có thể đọc theo nhịp, phổ biến là nhịp 3/2, có thể là nhịp 2/3, thậm chí là nhịp 1/4 hoặc 4/1. Về vần, thơ năm chữ sử dụng các vần liền, vần cách và gieo vần ở vị trí cuối câu hay giữa câu. Nhiều nhà thơ hiện đại đã sử dụng thể năm chữ để bộc lộ nội dung cảm xúc như *Biển* của Xuân Quỳnh, *Thăm lúa* của Trần Hữu Thung, *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ, *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải... Mặc dù không chiếm ưu thế như các thể thơ lục bát, thơ tự do, nhưng với số lượng các bài thơ ngũ ngôn ít ỏi, phong cách Nguyễn Duy đã tìm thấy tiếng nói hoà hợp ở thể thơ này.

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc sắc về phương diện nội dung

Trong tuyển tập *Thơ Nguyễn Duy* mà chúng tôi khảo sát chỉ có 11/281 bài, chiếm tỉ lệ 3,9%). Mặc dù với số lượng ít hơn so với thể thơ lục bát (156 bài) và tự do (55 bài) nhưng thơ năm chữ cũng thể hiện được những giá trị riêng về nội dung và hình thức, góp phần làm nên thành công của Nguyễn Duy.

¹ Giảng viên khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hồng Đức

**Bảng 1. Thống kê số lượng bài thơ năm chữ của Nguyễn Duy trong tuyển tập
Thơ Nguyễn Duy**

STT	Tên bài thơ	Trang	Thời gian sáng tác
1	Tiếng chim bạn bè	62	1971/Cát trắng - 1973
2	Ánh trăng	100	1978/Ánh trăng - 1984
3	Pháo Tết	116	1992/Về - 1994
4	Hoa giấy	170	1978
5	Tháp Chàm	202	1980/Quà tặng - 1990
6	Trên đồng bông Phước Sơn	204	1980/Ánh trăng - 1984
7	Chuối	313	Về - 1994
8	Dứa	314	Về - 1994
9	Sầu riêng	316	1992/Về - 1994
10	Khi chúng mình yêu	366	1986/Vợ ơi - 1995
11	Trở gió	372	1991 /Vợ ơi - 1995

(Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2010)

Điểm mạnh trong thơ năm chữ của Nguyễn Duy là chất hoài niệm, giọng thơ nghiêng về kể, giải bày tâm trạng như các bài thơ: *Tháp Chàm*, *Trở gió*, *Pháo Tết*. Thơ năm chữ của Nguyễn Duy đã đem đến cho chúng ta những cảm nhận hoàn toàn mới, đó là các bài thơ đều theo lối tự do, đầy suy tư. Các bài thơ không quá dài cũng không quá ngắn, được chia thành từng khổ với bố cục gọn gàng, chặt chẽ tạo nên sự cô đọng, hàm súc, gợi cho người đọc nhiều trường liên tưởng, suy nghĩ.

Hầu hết các bài thơ năm chữ của Nguyễn Duy chủ yếu được khơi nguồn cảm hứng từ các sự vật, hình ảnh, hiện tượng cụ thể như một pho tượng cổ, tiếng pháo, ánh trăng, sự thay đổi thời tiết... Đó là những khoảnh khắc tâm trạng, những phút suy tư của nhà thơ khi thấy cảnh: “trời hăm hấp trở trời/ gió vùng vằng thổi vắn” (*Trở gió*, 1991/ Về, 1994); đó là khi nhà thơ chứng kiến “cả trần gian tí tởn/ đón xuân sang tung bùng” (*Pháo Tết*, 1992/ Về, 1994); hay khi đứng trước “một pho tượng đất nung/ trước ngã ba nắng gió” (*Tháp Chàm*, 1980/ Quà tặng, 1990). Không bị bó hẹp bởi câu chữ, các bài thơ ngũ ngôn có khả năng chuyển tải những vấn đề thời sự nóng hổi của cuộc sống.

Bài thơ *Pháo Tết* chỉ gồm 16 dòng thơ được chia làm bốn khổ, song mỗi khổ thơ là một tâm sự trĩu nặng. Bằng việc sử dụng biện pháp tương phản, đối lập về hình ảnh cũng như về âm điệu trong từng khổ thơ, Nguyễn Duy dựng lên hai khung cảnh, hai thế giới hoàn toàn trái ngược nhau: một bên là cảnh đón Tết vui mừng, rộn rã với âm thanh náo nhiệt của tiếng pháo, còn một bên là những số phận bất hạnh, những mảnh đời bé nhỏ, cô đơn giữa sự lạnh lẽo của lòng người: “Cả thành phố như nổ/ tiếng pháo rền vang xa/ có một lão bị gậy/ khộc khàn trên sân ga/ Cả thành phố như cháy/ lập lòe ánh hoả châu/ có một bà bối rác/ nằm co ro gằm cầu/ Cả thành phố như khói/ khét lẹt mịt mờ mây/ có một

em điểm ế/ đón giao thừa gốc cây/ Cả thành phố như toác/ xác pháo dày vĩa hè/ có chú bé đi bụi/ khoèo mé hiên lắng nghe/ Toác khói cháy nổ tòn / trận mạc nào đang qua/ có một người nạng gỗ/ ngồi bên sông nhớ nhà”(Pháo Tết, 1992/ Về, 1994)). Qua đó, tác giả cho chúng ta hình dung một bức tranh đời sống hết sức chân thực với những vấn đề nổi cộm, những mâu thuẫn xã hội gay gắt, đặc biệt là thực trạng đói nghèo của đất nước sau chiến tranh. Đồng thời còn là tâm trạng cảm thương, tấm lòng rung rung của nhà thơ trước những mảnh đời bất hạnh “*Cả trần gian tí tòn / đón xuân sang tung bừng / có một thằng dờ dẩn/ ngồi làm thơ rưng rưng*”. Hình ảnh đối lập ấy đã tác động mạnh mẽ đến tình cảm, cảm xúc của người đọc gọi bao xót xa, day dứt, từ đó có tác dụng thức tỉnh tâm hồn nhân bản trong mỗi con người chúng ta.

Chỉ bằng vài nét phác họa, Nguyễn Duy đã vẽ lên một hình ảnh Tháp Chàm hoang sơ, cổ kính cùng với những pho tượng cổ đắm chiều, phong trần với nắng gió “*Ông già Chàm gù lưng/ im lìm nhìn tháp cổ/ một pho tượng đất nung/ trước ngã ba nắng gió/ Ông già Chàm gù lưng/ im lìm nhìn tháp cổ/ râu tóc mờ bụi đỏ/ mắt đăm đăm xuất thần*” (Tháp Chàm, 1980/ Quà tặng, 1990). Nếu nhìn về mặt hình thức qua hình ảnh và âm điệu câu thơ, dường như chúng ta chỉ cảm thấy bài thơ bàng bạc một tâm trạng hoài cổ của thi nhân trước cái hoang sơ của cảnh vật. Song nội dung ý nghĩa của bài thơ không dừng ở đó, Tháp Chàm là một hình ảnh ẩn dụ chỉ những số phận bằng xương thịt với kiếp sống đơn độc, lặng lẽ, không ai biết, không ai hay: “*Ông già Chàm gù lưng/ im lìm nhìn tháp cổ/ thân xác trần trụi đỏ/ linh hồn về nơi nào/ Ông già Chàm gù lưng/ im lìm nhìn tháp cổ/ thêm một tháp Chàm nhỏ/ bằng thịt xương... bên đường*” (Tháp Chàm, 1980/ Quà tặng, 1990). Rõ ràng, bài thơ không chỉ tả cảnh mà đằng sau các lớp cảnh ấy là cái hồn của cuộc sống, của các vấn đề xã hội và con người.

Nói đến thơ năm chữ, chúng ta không thể không nói đến bài thơ *Ánh trăng*. Đây là bài thơ được đưa vào chương trình Ngữ văn THCS. Bài thơ như một lời nhắc nhở người đọc thái độ sống ân nghĩa thủy chung qua một hình thức nghệ thuật độc đáo, đặc sắc *Ánh trăng* gợi lên trong lòng người đọc những kỉ niệm sâu sắc, âm áp và nghĩa tình của người chiến sĩ: “*Hồi nhỏ sống với đồng/ với sông rồi với bể/ hồi chiến tranh ở rừng/ vầng trăng thành tri kỉ*”. Vầng trăng đã trở thành tri kỉ, thành người bạn tâm tình, gần gũi gắn bó với tuổi thơ tươi đẹp, trong sáng. Cứ như thế, trăng theo nhịp bước người chiến sĩ lớn dần theo năm tháng, đến cả những nơi gian khổ, hiểm nguy nhất trong chiến tranh: “*trần trụi với thiên nhiên/ Hồn nhiên như cây cỏ/ Ngỡ không bao giờ quên/ Cái vầng trăng tình nghĩa*”. Vầng trăng mang vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc như vẻ đẹp của thiên nhiên, khiến cho nhân vật trữ tình cảm nhận dường như sẽ không bao giờ có thể quên cái vầng trăng tình nghĩa ấy. Nhưng vầng trăng không chỉ gắn liền với những kỉ niệm, không chỉ đẹp lung linh, tươi mới mà còn là lời nhắc nhở thâm kín của tác giả với người đọc về lối sống nghĩa tình, thủy chung: “*Từ hồi về thành phố/ quen ánh điện của gương/ vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường*”. Cuộc sống thay đổi, con người cũng phải thay đổi mình để bắt nhịp với cuộc sống hiện đại, nhưng một điều đáng buồn là vầng trăng tri kỉ, vầng trăng tình nghĩa giờ không còn nữa mà đã trở thành người xa lạ, dưng dưng. Chính những

tiện nghi của cuộc sống hiện đại, văn minh đã làm con người ta quên đi cái quá khứ khó nhọc mà anh hùng của mình, quên đi những gì bình dị, thiêng liêng nhất trong kí ức, để giờ đây tất cả chỉ là người dung, xa lạ. Một tình huống bất ngờ xảy ra và chính khoảnh khắc ấy đã làm nổi lên tất cả vấn đề mà nhà thơ muốn gửi gắm: “*Thình lình đèn điện tắt/ Phòng buyn-đinh tối om/ Vội bật tung cửa sổ/ Đột ngột vầng trăng tròn*”. Hình ảnh vầng trăng tròn tình cờ và tự nhiên hiện ra giữa trời chiếu vào căn phòng tối om kia, vào khuôn mặt đang ngẩng nhìn trăng ấy với từ láy “đột ngột” được lựa chọn rất đắt nhằm diễn tả một tình huống hết sức bất ngờ. Khổ thơ giống như một nút thắt khơi gợi tâm trạng suy ngẫm cho người đọc: “*Ngửa mặt lên nhìn mặt/ có cái gì rung rung/ như là đồng là bể/ như là sông là rừng*”. Hình ảnh vầng trăng gợi thi sĩ nhớ đến thiên nhiên, nơi con người đã đi qua, đã sống và gắn bó như máu thịt. Cảm xúc “rung rung” là cảm xúc nghẹn ngào, bồi hồi, xúc động như chực trào nước mắt của nhân vật trữ tình: “*trăng cứ tròn vành vạnh/ kể chi người vô tình/ ánh trăng im phăng phắc/ đủ cho ta giật mình*”. Mạch cảm xúc suy tưởng của nhà thơ đã phát triển thành chiều sâu tư tưởng mang tính chất triết lí. Hình ảnh vầng trăng tròn vành vạnh biểu tượng cho quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên, viên mãn, tròn đầy không bị phai nhạt. “*Ánh trăng im phăng phắc*” là sự im lặng, không một lời trách cứ, mặc cho con người vô tình. Như vậy, qua *Ánh trăng*, nhà thơ Nguyễn Duy muốn gửi đến cho người đọc thông điệp sâu sắc về nhân tình thế thái: con người có thể lãng quên quá khứ, quên những gì thiêng liêng nghĩa tình, nhưng quá khứ như vầng trăng sáng tròn đầy, viên mãn luôn rộng lượng và vị tha.

2.2. Đặc sắc về phương thức biểu hiện

Phải nói rằng Nguyễn Duy rất “khéo tay” điều khiển ngôn từ. Cái tài ấy biểu hiện ngay trong những bài thơ năm chữ. Trong thể thơ này, tác giả ít sử dụng các từ mang tính chất khẩu ngữ mà từ ngữ được chắt lọc kỹ lưỡng, công phu và được xếp đặt tài tình nhằm chuyển tải hết những nội dung cảm xúc trong câu chữ. Chẳng hạn, để miêu tả cảnh rộn rã, náo nhiệt của thành phố trong âm thanh pháo Tết, nhà thơ lựa chọn một loạt các tính từ đơn tiết xếp cạnh nhau trong cùng một câu thơ: “*Toác/ khói/ cháy/ nổ/ tôn*” tạo hiệu quả bất ngờ, thú vị. Đối lập với sự náo nhiệt đó là cảnh buồn bã, lạnh lẽo của những hoàn cảnh, số phận cô đơn. Chỉ vài động từ mà Nguyễn Duy sử dụng để miêu tả nhân vật trong bài *Pháo Tết*: “*có một lão bị gậy/ khóc khàn trên sân ga*”, “*có một bà bới rác/ nằm co ro gầm cầu*”, “*có chú bé đi bụi/ khoèo mé hiên lắng nghe*”, “*có một người nạng gỗ/ ngồi bên sông nhớ nhà*” cũng gợi cho chúng ta cảm nhận được hoàn cảnh, số phận của những người nghèo khổ bất hạnh. Với sự nén chặt ngôn từ như thế, nội dung ý nghĩa của thơ được chắt chứa nhiều tầng, nhiều lớp. Những câu thơ được co lại đến mức tối đa và bài thơ đạt đến độ hàm súc thần thái.

Với Nguyễn Duy, ẩn sau mỗi sự vật, hiện tượng đều là những chuyện đời, chuyện người. Sự thay đổi bất thường của tự nhiên cũng khiến cho nhà thơ liên tưởng đến xã hội con người với những cái mong manh, bấp bênh, bất ổn của nó. Cách diễn đạt trù tượng kết hợp với biện pháp điệp phụ âm đầu được vận dụng có hiệu quả: “*Trời **hâm hấp** trở*

trời/ gió **vùng vắng** thổi vùn/ Em trở chứng **lầm lì**/ bóng chiều đi **thũng thũng**/ Chút **thảnh thơi hiếm hoi**/ tiếng cười giòn ít **lắm**/ Cái va chạm **lặng thinh**/ **nứt** dọc đời vết **khổ**/ Thời hội chứng thần kinh/mọi thứ đều dễ **vỡ**/ Buổi **bập bênh bọt bể**/ nương vào nhau mà trôi/
Ngẩn ngun ngủn ngày người/ Gió **chi mà gió thế**” (Trở gió). Những cụm từ mang tính chất trừu tượng như “cái va chạm lặng thinh”, “thời hội chứng thần kinh”, “buổi bập bênh bọt bể”, “ngày người”, các động từ “trở chứng”, “nứt”, “vỡ” cùng danh từ chỉ thời gian “thời”, “buổi” khiến chúng ta liên tưởng một lớp nghĩa khác ẩn sâu trong đó. “Trở gió” ở đây không chỉ là chuyện của thời tiết nữa mà còn là hiện tượng “trở chứng” của con người, của xã hội. Điều đó thể hiện chiều sâu suy tưởng trong thơ Nguyễn Duy. Bằng lối nói hàm ngôn, hiện thực cuộc sống được Nguyễn Duy đưa vào thể loại năm chữ một cách tế nhị, kín đáo, song không kém phần sâu sắc.

Cách sử dụng từ láy trong thơ năm chữ của Nguyễn Duy cũng mang nhiều sắc thái. Trong bài *Trở gió*, các từ láy xuất hiện dày đặc trong một khổ thơ: “Trời **hâm hấp trở** trời”, “gió **vùng vắng** thổi vùn”, “Em trở chứng **lầm lì**”, “bóng chiều đi **thũng thũng**”, “Chút **thảnh thơi hiếm hoi**”, “Buổi **bập bênh bọt bể**” đã diễn tả thành công trạng thái không bình thường, bức xúc, căng thẳng của thiên nhiên và con người trong những khi “trở gió”... Khác với *Trở gió*, những từ láy “**thân thương**”, “**ngỡ ngàng**”, “**cao cao**”, “**lộng lẫy**”, “**ngẩn ngơ**” trong bài thơ *Tiếng chim bạn bè* lại gợi lên một cảm xúc thân thương, triu mến của tình đồng chí đồng đội trên bước đường hành quân: “Đường hành quân còn xa/ bao nhiêu là gian khó/ chim bay cùng ta đó/ ời **tiếng chim bạn bè**”. Điều đặc biệt là Nguyễn Duy còn sáng tạo ra những từ láy không có trong giao tiếp của tiếng Việt: “Ai **chê sầu riêng thum/ ai khen sầu riêng thom/ với ai thì **thom thum**/ với ta thì **thum thom**/ Vỡ bụng ngật ngưỡng hát/ **thom thum thom thum thom**/ nổi nhớ **ngĩa cả mũi/ thom thom thom thom thom**” (Sầu riêng, 1992/ Về, 1994). Với Nguyễn Duy, việc sử dụng từ láy với những sáng tạo là một phần không nhỏ để khẳng định tiếng nói riêng, phong cách riêng.**

Câu thơ năm chữ của Nguyễn Duy được ngắt nhịp một cách linh hoạt. Nhịp thơ vì thế không cố định ở 3/2 hay 2/3 như nhịp thông thường của thơ năm chữ mà được ngắt tự do theo mạch cảm xúc:

Toác/ **khỏi/ cháy/ nổ/ tòn**
Trận mạc nào/ **đang qua**
Có một người **nặng gổ/**
Ngồi bên sông/ **nhớ nhà...**
(Pháo Tết)

Cùng với nhịp thơ, phép lạng với dấu ba chấm làm cho nhịp thơ như được kéo dài ra tạo nên giọng điệu suy tư, trầm lắng có tác dụng như những nốt lặng, gợi bao suy tưởng cho người đọc: “**Ngẩn ngun ngủn ngày người/ Gió chi mà gió thế....**”(Trở gió), “**Có một bà bới rác/ Nằm co ro gằm cầu...**”(Pháo Tết). Đồng thời nó cũng tạo sức ngân vang cho câu thơ, tạo âm hưởng của cảm xúc, gợi nhiều liên tưởng, suy nghĩ. Hay tác giả còn sử dụng cả cách nói bỏ lửng với dấu ba chấm: “**Ông già Chàm gù lưng/ im lìm nhìn tháp cổ/ Thêm một tháp Chàm nhỏ/ bằng thịt xương... bên đường**” (Tháp Chàm) để gợi lên nhiều chiều

suy nghĩ về hiện thực đời sống và số phận con người. Phát huy khả năng diễn đạt của phép lạng, vốn là sở trường của thơ hiện đại, Nguyễn Duy đã mang lại cho thể thơ năm chữ một năng lực biểu hiện mà ít nhà thơ nào thấy được.

Ngoài cách sử dụng từ ngữ và cách ngắt nhịp, Nguyễn Duy còn sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật khác trong thơ năm chữ của mình. Điệp từ “với” được lặp lại ba lần càng tô đậm thêm sự gắn bó chan hòa của con người với thiên nhiên, với những tươi đẹp của tuổi thơ: “*Hồi nhỏ sống với đồng/ với sông rồi với bể*” (Ánh trăng). Nghệ thuật nhân hóa “vàng trắng thành tri kỉ”, trăng là người bạn thân thiết, tri âm tri kỉ, là đồng chí cùng chia sẻ những vui buồn trong chiến trận với người lính - nhà thơ. Phép liên tưởng đầy tính nghệ thuật cùng với so sánh độc đáo “*trần trụi với thiên nhiên/ hồn nhiên như cây cỏ*”, cho ta thấy rõ hơn vẻ đẹp bình dị, mộc mạc, trong sáng, rất đời và tự nhiên của vàng trắng. Đó cũng chính là hình ảnh con người lúc bấy giờ: vô tư, hồn nhiên, trong sáng. Vàng trắng đã gắn bó thân thiết với con người từ lúc nhỏ đến lúc trưởng thành, cả trong hạnh phúc và gian lao. Trăng là vẻ đẹp của đất nước bình dị, hiền hậu của thiên nhiên vĩnh hằng, tươi mát, thơ mộng. Vàng trắng không những trở thành người bạn tri kỉ, mà đã trở thành “vàng trắng tình nghĩa” biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình. Biện pháp nhân hóa kết hợp với so sánh “*Vàng trắng đi qua ngõ/ như người dừng qua đường*” cũng mang nhiều ý nghĩa: Vàng trắng vẫn “đi qua ngõ”, vẫn tròn đầy, vẫn thủy chung tình nghĩa, nhưng con người đã quên trăng, hờ hững, lạnh nhạt, dừng dung đến vô tình. Vàng trắng giờ đây bỗng trở thành người xa lạ, chẳng còn ai nhớ, chẳng còn ai hay biết. Rõ ràng, khi thay đổi hoàn cảnh, con người có thể dễ dàng quên đi quá khứ, có thể thay đổi về tình cảm. Nói chuyện quên nhớ ấy, nhà thơ đã phản ánh một sự thực trong xã hội thời hiện đại. Chất thơ mộc mạc chân thành như vàng trắng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rung rung”, đoạn thơ đã khơi dậy nhiều tình cảm nơi người đọc.

3. KẾT LUẬN

Là nhà thơ có tài, Nguyễn Duy ghi dấu ấn của mình trong các thể loại. Nguyễn Duy tự thể hiện mình trong rất nhiều thể thơ: năm chữ, bảy chữ, thơ lục bát, thơ tự do. Ở mỗi thể thơ, Nguyễn Duy đều có những thành công nhất định. Các thể thơ đều được Nguyễn Duy vận dụng, nâng cao, sáng tạo cùng với sự tìm tòi, cách tân mạnh mẽ về cấu trúc, ngôn ngữ, nhịp điệu. Đó là những cuộc thử nghiệm đầy nhọc nhằn để rồi ở mỗi thể loại, nhà thơ cũng tìm được tiếng nói riêng cho mình. Đến với thể thơ năm chữ, Nguyễn Duy đã có những cách tân mới mẻ, sáng tạo đem đến cho chúng ta nhiều bài thơ hay, giàu giá trị hiện thực. Thơ năm chữ của ông phản ánh cuộc sống một cách chân thực, cảm động. Việc sử dụng các động từ, tính từ, từ láy và biện pháp tu từ điệp, ẩn dụ, nhân hoá, phép lạng một cách tự nhiên, nhuần nhị, tạo cho các bài thơ năm chữ một vẻ đẹp hiện đại, tự do, không gò ép, ẩn chứa nhiều nội dung, cảm xúc phong phú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Phan Cảnh (2006), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Duy (2010), *Tuyển tập thơ Nguyễn Duy*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.

- [3] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Đỗ Kim Hồi (2008), *Giật mình với Ánh trăng của Nguyễn Duy*, Tạp chí Văn học và tuổi trẻ (12).
- [5] Bùi Công Hùng (2000), *Sự cách tân thơ văn Việt Nam hiện đại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [6] Lê Quang Hưng (1986), *Thơ Nguyễn Duy và Ánh trăng*, Tạp chí Văn học (3).
- [7] Chu Văn Sơn, *Cách tân: đi tìm cái mới hay cái tôi?*, [http: viết.văn.vn](http://viết.văn.vn)
- [8] Chu Văn Sơn (2003), *Nguyễn Duy thi sĩ thảo dân*, Tạp chí Hội nhà văn (3).

THE FIVE-LETTER-POEMS OF NGUYEN DUY

Nguyen Thi Hoang Huong

ABSTRACT

As a talented poet, Nguyen Duy has experimented a lot of different genres of poetry. For each genre of poetry, Nguyen Duy shows creativity, in creating impression, special identity, and innovation. His five-letter-poems reflect life in a realistic and touching way. Using art forms naturally, uniquely build up five-letter-poems with a modern beauty, freedom, with a lot of meanings, productive feeling for five letters - poem. Despite not having advantages as six - eight' letters and free poems, five-letter -poems still contributes to make Nguyen Duy's success.

Keywords: *Five letters poems, Nguyen Duy.*